

Phụ lục

MỨC TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI SỐNG TẠI CỘNG ĐỒNG, CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TẠI CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỘT XUẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ giúp/tháng (đồng)
C	CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TẠI CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI		
1	Đối tượng hưởng hệ số 6,0	6.0	1,620,000
1.1	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: Trẻ em dưới 04 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng		
1.2	Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: Trẻ em dưới 04 tuổi bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo		
2	Đối tượng hưởng hệ số 5,0	5.0	1,350,000
2.1	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng		
2.2	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em hoặc người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi		
3	Đối tượng hưởng hệ số 4,5	4.5	1,215,000
3.1	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất		
3.2	Đối tượng quy định tại Điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội		
3.3	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: Người khuyết tật đặc biệt nặng		
4	Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		
4.1	Đối tượng hưởng hệ số 6,0	6.0	1,620,000

STT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ giúp/tháng (đồng)
-	Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú, theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: dưới 4 tuổi		
4.2	Đối tượng hưởng hệ số 5,0	5.0	1,350,000
-	Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú, theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: từ 4 đến dưới 16 tuổi; hoặc từ 60 tuổi trở lên.		
4.3	Đối tượng hưởng hệ số 4,5	4.5	1,215,000
-	Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú, theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 136/2013/NĐ-CP: từ 16 đến đủ 60 tuổi		
6	Cấp vật dụng sinh hoạt thường ngày, chăn màn, chiếu, quần áo mùa hè, quần áo mùa đông, quần áo lót, khăn mặt, giày, dép, bàn chải đánh răng, thuốc chữa bệnh thông thường, vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ, đồ dùng học tập đối với đối tượng đang đi học và các chi phí khác theo quy định		2,750,000